TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2023/DS-PT Ngày: 16- 3 - 2023 V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất (ngõ đi chung).	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất (ngõ đi chung)". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định có kháng cáo của ông Đỗ Ngọc N là nguyên đơn và ông Đỗ Ngọc H là bị đơn trong vụ án. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc N; Sinh năm: 1960 (*có mặt*)

Địa chỉ: Xóm 22, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1953 (*có mặt*)

Địa chỉ: Xóm 22, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hữu K – Chủ tịch UBND xã (*vắng mặt*)

- Ông: Đỗ Ngọc Thao, sinh năm: 1965 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số nhà B, đường N, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông: Đỗ Ngọc H1, sinh năm: 1968 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm 22, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bà: Đỗ Thị P, sinh năm: 1970 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 7, đường P 19, tổ 128, phường H, quận L, Thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông H1, bà P: Ông Đỗ Ngọc N; Sinh năm: 1960; địa chỉ: Xóm 22, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (*có mặt*).

- Bà: Đỗ Thị M, sinh năm: 1958 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Phường P, quận S, Thành phố Đà Nẵng.

- Bà: Đỗ Thị N1, sinh năm: 1966 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 308/19 N, phường 4, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà: Đỗ Thị M1, sinh năm: 1960 (có *mặt*)

Địa chỉ: Ngõ 28, đường H, phường P, Thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà M1, bà N1: Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 22, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Đỗ Ngọc N trình bày: Trước năm 1970, bố ông là cụ Đỗ Ngọc N2 và gia đình bố ông Đỗ Ngọc H là cụ Đỗ Ngọc T1 là anh em, nhà ở cạnh nhau cùng đi chung 1 ngõ về phía Tây nhà cụ N2 và phía Đông nhà cụ T1 thuộc xóm 22, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Đồng thời, bố ông có một lối đi riêng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ở phía Tây nhà bố ông H theo bản đồ địa chính số 11 năm 1990 xã Đ. Do quá trình sản xuất theo cơ khí hóa nông nghiệp nên bố ông là cụ N2 không sử dụng ngõ đi riêng, nhà bố ông H đã lấn mất ngõ đi riêng của nhà cụ N2. Hiện nay, cụ T1 và cụ N2 đều đã chết trước năm 2010, hiện ông đang quản lý và hương khói tại phần đất của cụ N2, ông H đang quản lý và hương khói tại phần đất của cụ T1. Vào năm 2020, khi họ Đỗ Ngọc xây dựng lại nhà thờ họ nên ông H đã chuyển hẳn ngõ đi về phía Tây nhà cụ T1 và chuyển cây trồng ngõ đi chung. Đồng thời, ông H đã đổ đất, đặt vật liệu xây dựng trên ngõ đi gây cản trở không cho ông đi vào nhà bố mẹ ông. Tháng 8/2021, ông Đỗ Ngọc H đã chôn 2 cột bê tông làm cổng có ý định chiếm mất ngõ đi vào nhà bố ông. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông có ngõ đi riêng lâu dài theo tờ bản đồ số 11. Phần ngõ đi này có chiều dài là 50m và chiều rộng là 2m có vị trí ngõ cạnh nhà thờ về phía Tây của thửa đất nhà ông H là 1 đường thẳng chạy từ đường xóm vào đến đất của cụ N2. Đồng thời, Tòa án phải buộc ông H tháo dỡ công trình, đánh cây đã xây dựng và trồng kiên cố để trả lại ngõ đi chung. Ngày 07/7/2022, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phần đất nhà ông H đã lấn sang về phía Tây Bắc của thửa đất và tháo rỡ các công trình và chuyển đánh cây trồng để trả lại phần đất. Ngày 08/9/2022, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ông N chỉ đề nghị Tòa án buộc ông H tháo dỡ công trình, đánh cây đã xây dựng và trồng kiên cố để trả lại ngõ đi chung tại vị trí ngõ cạnh nhà thờ về phía Tây của thửa đất nhà ông H là 1 đường thẳng chạy từ đường xóm vào đến đất của cụ N2.

Tại phiên tòa, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án của bị đơn ông Đỗ Ngọc H

trình bày: Trước năm 2020 trở về trước, đời bố ông là cụ Đỗ Ngọc T1 và bố ông N là cụ Đỗ Ngọc N2 là hai anh em có cùng đi chung một con ngõ. Theo mô tả bằng sơ đồ của ông H thì con ngõ này có vị trí như sau: Đoàn thứ nhất từ đường xóm rẽ vào đi thẳng khoảng 19m đến khuôn viên nhà thờ cũ rẽ tay trái đến đoạn thứ hai nằm giữa ao nhà cụ T1 và đất vườn nhà cụ T1 có chiều dài 19 m. Khi đi hết đất vườn nhà cụ T1 tiếp tục rẽ trái đến đoạn thứ ba đi thẳng hết đất vườn nhà cụ T1 rẽ trái vào sân nhà cụ T1, đi thẳng rẽ phải thì sân nhà cụ N2. Đến năm 2020, họ tộc ông đứng lên xây dựng lại ngôi nhà thờ, do đoạn ngõ thứ nhất đi thẳng vào chính tâm của nhà thờ. Vì vậy, ngày 20/6/2021, Ban xây dựng đã thống nhất bỏ đoạn ngõ này và làm đoạn ngõ khác, ông có trao đổi và ông N cho biết "Việc bác làm đấy, bác cứ làm". Để có con đường vào nhà mình ông đã bỏ công sức tạo dựng, ông N không quan tâm. Trước khi vụ việc được đưa ra để hòa giải cơ sở ông đã trao đổi với ông N " Ông từ làm đường vào nhà mình, ông sẽ cắt cho ông 1,2 m chiều rộng của ao nhà mình để ông N làm ngõ". Trước yêu cầu khởi kiện của ông N quan điểm của ông là không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không có ngõ đi chung về phía Tây của thửa đất nhà ông giáp ao đình cả mà trước đây các hộ đi theo hướng đường xóm rẽ tay trái vào ngõ của 2 nhà là 1 đường thẳng vào từ đường cũ sau đó rẽ tay phải đến 1 đoạn thẳng đến đất nhà cụ N2 thì rẽ tay trái đi thẳng thì vào nhà cụ N2, rẽ tay trái thì vào nhà cụ T1. Sau này khi xây từ đường mới như hiện nay ông đã dịch chuyển đoạn thứ nhất của ngõ về phía ao của nhà bố ông hiện do ông sử dụng. Ông không đồng ý cho ông N đi trên phần ngõ mới và đoạn ngõ cắt ngang thửa đất của cụ T1 đề nghị Tòa án buộc ông N mở lối đi ở phần đất nhà cụ N2 để đi.

Tại phiên tòa, ông vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc N. Ngoài ra, ông H không yêu cầu ông N phải trả tiền mà ông đã chi phí để đắp ngõ mới tại đoạn thứ nhất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị M1 trình bày: quan điểm của bà có nội dung như lời trình bày của ông H anh trai của bà. Vì bà là con gái lấy chồng xa nên bà ủy quyền toàn bộ việc tham gia tố tụng giải quyết cho anh trai bà. Nếu Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà thu xếp thời gian để tham gia phiên tòa. Trường hợp vì lý do không thể tham gia phiên tòa, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại UBND xã Đ cho thấy: Căn cứ sổ địa chính, hồ sơ địa chính, đối với phần đất tại thửa 4600, tờ bản đồ số 11 mang tên hộ cụ Đỗ Ngọc T1(hiện ông H đang sử dụng) có diện tích là 750m^2 trong đó có 280m^2 đất ở, 260m^2 đất vườn và 210m^2 đất ao. Phần đất tại thửa 4601, tờ bản đồ số 11 mang tên hộ cụ Đỗ Ngọc N2(hiện ông N đang sử dụng) có diện tích là 1500m^2 trong đó có 350m^2 đất ở và 1140m^2 đất vườn. Đối với phần ngõ đi của hộ cụ N2 là con đường nằm về phía Bắc và phía Đông của thửa đất. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng các hộ đã thỏa thuận và sử dụng lâu dài không có tranh chấp gì thì đề nghị Tòa án tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với việc các hộ trong quá trình sử dụng đất có lấn ra các phần đất công, UBND xã không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 159,174, 175,176 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc N về việc "Tranh chấp ngõ đi chung" tại vị trí ngõ cạnh nhà thờ về phía Tây của thửa đất nhà cụ Đỗ Ngọc T1.

2. Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung của hai hộ cụ Đỗ Ngọc T1 và cụ Đỗ Ngọc N2 tại xóm 22, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Ngõ đi của hai nhà bao gồm 3 đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến phần đất vườn nhà cụ T1 có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất cụ T1 có chiều dài là 2,8m, phía Nam giáp ngõ xóm dài 2,8m, phía Đông giáp ao cụ T1 dài 10,2 m, phái Tây giáp đất vườn cụ T1 dài 10,2m. Đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1 có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất cụ T1 dài 10,3m, phía Nam giáp ao cụ T1 dài 10,3m, phía Đông giáp đất cụ N2 dài 1,68m, phía Tây giáp đoạn thứ nhất dài 1.68m. Đoạn thứ ba đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2 có vị trí như sau: phía Nam giáp đất ao cụ T1 có chiều dài là 1,68m, phía Bắc giáp đất cụ N2 dài 1,68 m, phía Đông giáp đất cụ N2 có chiều dài là 18,3m, phía Tây giáp đất cụ T1 dài 18,3m (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc ông Đỗ Ngọc H tháo dỡ tấm sắt bịt lối đi chung của hai hộ tại vị trí đoạn thứ nhất của ngõ đi chung để trả phần đất ngõ đi chung cho hai hộ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07/10/2022, ông Đỗ Ngọc N làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Quyết định của Bản án số 22/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện N về việc "Tranh chấp ngõ đi chung" giữa tôi và ông Đỗ Ngọc H. Lý do của việc kháng cáo là không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Ông N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề gồm: Xác định vị trí ngõ đi chung được thể hiện trên bản đồ địa chính xã Đ năm 1995 và năm 2005; Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung của hai hộ cụ Đỗ Ngọc T1 và cụ Đỗ Ngọc N2 gồm ba đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến đất vườn nhà cụ T1. Đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1. Đoạn thứ ba đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2; Yêu cầu ông H phải bồi thường cho tôi khoản tiền thẩm định tại chỗ hai thửa đất là 7.577.000 đồng; Tôi không đồng ý nộp án phí vì lý do ông H là người vi phạm pháp luật, gây ra các sai phạm ngõ đi chung của hai gia đình.

Ngày 02/10/2022, ông Đỗ Ngọc H làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Quyết định của Bản án số 22/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện N. Tôi cho rằng vụ án này không đúng với bản chất sự việc

nhưng biên bản nghị án và tuyên bố của tòa cho là đúng bản chất. Đoạn ngõ gia đình tôi mới làm năm 2020 là không có trong bản đồ địa chính trước kia, đó là đoạn ngõ gia đình tôi làm, tôi phản bác kết luận của tòa xác định ngõ đi chung của hai nhà. Ngõ vào nhà tôi, tôi đang sử dụng là ngõ đi riêng chứ không thể là ngõ đi chung. Tôi phản bác việc tòa buộc tôi tháo tấm chắn ở đoạn đầu ngõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Ngọc N, sửa bản án sơ thẩm về án phí; Về án phí đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Ngọc N và ông Đỗ Ngọc H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đỗ Ngọc H và ông Đỗ Ngọc N:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng ngõ đi đang tranh chấp nằm tại xóm 22, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định: Ông Đỗ Ngọc N là con của cụ Đỗ Ngọc N2 là chủ sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa 4601, tờ bản đồ số 11. Ông Đỗ Ngọc H là con của cụ Đỗ Ngọc T1 là chủ hộ sử dụng đất tại thửa 4600, tờ bản đồ số 11. Cụ T1 là anh trai của cụ N2. Hiện nay, cả hai cụ đều đã chết. Ông Đỗ Ngọc N và ông Đỗ Ngọc H thống nhất trình bày trước đây từ thời bố của ông N và bố của ông H thì ngõ đi của hai nhà bao gồm 3 đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến từ đường cũ thì rẽ phải đến đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1 sau đó rẽ trái đến đoạn thứ ba nằm trên phần đất nhà cụ N2 đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2. Đến năm 2020, khi xây dựng lại từ đường họ Đỗ Ngọc, do ngõ đi chung của hai nhà tại đoạn thứ nhất đi thẳng vào giữa từ đường. Vì vậy, dòng họ đã họp và ông H đã di chuyển đoạn thứ nhất của ngõ đi về phía đất ao của cụ T1, hai đoạn ngõ còn lại vẫn giữ nguyên như trước đây. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng ngoài ngõ đi chung này, gia đình cụ N2 còn một lối đi khác chạy song song nằm ở phía Tây của thửa đất nhà cụ T1.

Theo bản đồ địa chính năm 1993, chỉnh lý năm 2004 không thể hiện ngõ đi chung như trên hiện trạng đang sử dụng và lời trình bày thống nhất của các đương sự. Tại bản đồ này thì ngõ đi của nhà cụ N2 nằm về hướng Bắc, một phần phía Đông Bắc của thửa số 4601 và một phần phía Tây của thửa số 4600. Đoạn đường này không thông với đường xóm về phía Nam của hai thửa đất và bị giới hạn bởi thửa đất số 4599 tờ bản đồ số 11.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2022 cho thấy: Phần diện tích hiện đang sử dụng của hộ cụ N2 là 1753,8 m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thừa 253,7m^2 bao gồm đoạn thứ 3 của ngõ đi chung hai nhà. Phần diện tích hiện đang sử dụng của hộ cụ T1 là 855,7 m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thừa 155,7m^2 bao gồm đoạn thứ 1+ đoạn thứ 2 của ngõ đi chung hai nhà. Phần ngõ đi đang có tranh chấp có tổng diện tích là 105,5m^2 có vị trí phía Nam giáp đường xóm dài 2,71m, phía Bắc giáp đất hộ cụ N2 dài 2m, phía Tây giáp ao đình Cả và một phần giáp đất ruộng dài 48,96 m và phía Đông giáp đất ông H đang sử dụng có chiều dài là 48,96 m. Phần ngõ đi từ trước cho đến khi phát sinh tranh chấp: Ngõ đi của hai nhà bao gồm 3 đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến phần đất vườn nhà cụ T1 có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất cụ T1 có chiều dài là 2,8m, phía Nam giáp ngõ xóm dài 2,8m, phía Đông giáp ao cụ T1 dài 10,2 m, phía Tây giáp đất vườn cụ T1 dài 10,2m. Đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1 có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất cụ T1 dài 10,3m, phía Nam giáp ao cụ T1 dài 10,3m, phía Đông giáp đất cụ N2 dài 2,8m, phía Tây giáp đoạn thứ nhất dài 2,8m. Đoạn thứ ba đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2 có vị trí như sau: phía Nam giáp đất ao cụ T1 có chiều dài là 1,68m, phía Bắc giáp đất cụ N2 dài 1,68 m, phía Đông giáp đất cụ N2 có chiều dài là 18,3m, phía Tây giáp đất cụ T1 dài 18,3m.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử thấy trên theo bản đồ địa chính tại vị trí ông N đề nghị xác định không có ngõ đi của nhà bố ông như mô tả tại đơn khởi kiện của ông N. Trên thực tế hai cụ N2 và cụ T1 là anh em ruột được bố mẹ chia đất để cùng sinh sống. Hai cụ đã sử dụng ổn định phần diện tích đất ngõ đi chung bao gồm 3 đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến từ đường cũ thì rẽ phải đến đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1 sau đó rẽ trái đến đoạn thứ ba nằm trên phần đất nhà cụ N2 đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2. Điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng như ông Ngô Văn C và bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Thái H và chị Nguyễn Thị T. Ngoài ra, những người làm chứng này cho biết thêm ngoài ngõ đi này hai cụ không còn lối đi chung nào khác. Mặc dù, ngõ đi chung này không được thể hiện trên bản đồ địa chính nhưng hai hộ cụ N2 và cụ T1 đã sử dụng trên 30 năm không có tranh chấp gì. Vì vậy, cần xác định đây là ngõ đi chung của hai hộ cụ N2 và hộ cụ T1 là phù hợp với quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự. Mặt khác, khi xây dựng từ đường của dòng họ Đỗ Ngọc vào năm 2020 để tránh đoạn ngõ thứ nhất đi thẳng vào từ đường nên ông H đã tự nguyện rời phần ngõ đi chung của đoạn thứ nhất sang phần ao của mình, ông N biết và nhất trí cho ông H làm. Như vậy, ông H và ông N đã thỏa thuận để thay đổi vị trí ngõ đi chung tại đoạn thứ nhất. Căn cứ Điều 176 Bộ luật dân sự cần xác định vị trí mới của đoạn thứ nhất cũng là ngõ đi chung của hai hộ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc N về việc xác định ngõ đi chung của hai hộ nằm ở phía Tây thửa đất nhà cụ Đỗ Ngọc T1. Xác định ngõ đi chung của hai hộ như hiện trạng hai hộ sử dụng từ trước cho đến nay.

[2.3] Đối với chi phí mà ông H đã bỏ ra để làm ngõ đi chung tại đoạn thứ nhất của hai nhà, do ông H không yêu cầu ông N phải trả cho ông chi phí này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] Đối với các tài sản trên ngõ đi chung của hai hộ: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước ngày 20/9/2022, trên phần ngõ đi chung của hai hộ không có tài sản nào chắn lối đi. Theo tài liệu ông N nộp cho Tòa án vào ngày 20/9/2022, thì hiện nay ông H đã dựng tấm sắt và khóa lại tại đoạn thứ nhất của ngõ đi chung không cho ông N đi vào phần diện tích đất của cụ N2. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 174, 175 Bộ luật dân sự buộc ông H phải tháo dỡ tấm sắt và trả lại phần diện tích đất ngõ đi chung của hai hộ.

[2.5] Ông Đỗ Ngọc N và ông Đỗ Ngọc H đều kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án số 22/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Về nguồn gốc của ngõ đi chung đã tồn tại từ thời xa xưa và có đủ cơ sở xác định ngõ đi chung gồm ba đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến từ đường cũ thì rẽ phải. Đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1 sau đó rẽ trái. Đoạn thứ ba nằm trên phần đất nhà cụ N2 đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2. Tháng 4/2020, Họ tộc xây dựng nhà thờ và thống nhất không sử dụng đoạn ngõ (theo mô tả tại mục 2.2 là đoạn ngõ thứ nhất). Ông H đã bỏ kinh phí để làm đoạn ngõ mới với mục đích để con cháu đi về thắp hương tổ tiên và tránh phong thủy ngõ đi thẳng vào nhà thờ. Xuất phát từ đó giữa ông N và ông H xảy ra tranh chấp ngõ đi chung. Ông H làm ngõ mới trên phần diện tích đất của Cụ T1 để lại nên ông H xác định đó là ngõ đi riêng của gia đình ông. Ông H yêu cầu ông N phải làm ngõ đi riêng trên quỹ đất mà bố ông N để lại, tránh xảy ra mâu thuẫn kéo dài về sau này; Ông N xác định do ông H làm ngõ đi mới nên đã chiếm đoạt ngõ đi trước đây và lấy lý do ngõ mới ông H tự làm nên không cho gia đình tôi đi vào. Ông N không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện N vì ba đoạn ngõ đi chung hiện nay không thể hiện trên bản đồ địa chính xã Đ năm 1993 và năm 2005, về lâu dài sẽ dễ xảy ra tranh chấp vì ông H lấy cớ ngõ đi thuộc đất của cụ T1.

Như vậy, HĐXX xác định từ xa xưa giữa cụ T1 (bố ông H) và cụ N2 (bố ông N) là anh em ruột, quá trình sử dụng đất là có ngõ đi chung. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhận được đơn đề nghị của ông Đỗ Ngọc N về việc hòa giải tranh chấp ngõ đi chung Ngày 08/3/2023, Tòa án đã phối hợp làm việc với UBND xã Đ với mục đích tạo điều kiện để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc sử dụng ngõ đi chung nhưng không thành. Quan điểm của UBND xã Đ cũng mong muốn các đương sự hòa giải để giải quyết dứt điểm vụ việc nhưng các đương sự không thống nhất được. Tại buổi làm việc ngày 08/3/2023, UBND xã Đ xác định sơ đồ ngõ đi chung kèm theo Bản án số 22/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 là phù hợp với thực tế sử dụng ngõ đi chung của hai gia đình. Tại phiên tòa, ông H thừa nhận phần diện tích ngõ đi chung mà các cụ sử dụng trước đây thì hiện nay nằm trong khuôn viên của gia đình nhà ông và nằm ở vị trí trước của nhà thờ. Ngõ đi cũ đã bỏ không sử dụng mà sử dụng ngõ đi mới.

Ngoài ra, ông N còn kháng cáo về khoản tiền định giá và xem xét thẩm định tại chỗ hai thửa đất là 7.577.000 đồng và tiền án phí. Đối với khoản tiền định giá và xem xét thẩm định tại chỗ ông N đã nộp 7.577.000 đồng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông N phải nộp theo qui định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Về án phí, tại cấp sơ thẩm ông N không làm đơn xin miễn án phí nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông N, ông H đề nghị được miễn án phí. Ông N và ông H là người cao tuổi nên HĐXX chấp nhận đề nghị của các đương sự và quyết định miễn án phí cho các đương sự theo qui định của pháp luật.

[2.6] Tóm lại, về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất giữa gia đình ông N và gia đình ông H khẳng định là có ngõ đi chung. Ông H mở ngõ đi mới trên phần đất của cụ T1 (bố ông H) làm thay đổi vị trí ngõ đi chung, phần diện tích ngõ đi chung trước đây thuộc về diện tích đất của gia đình ông H. Vì vậy, ông H kháng cáo xác định vị trí ngõ đi mới là của riêng gia đình nhà ông là chưa đảm bảo quyền sử dụng ngõ đi chung của hai gia đình; Ông N kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện N vì ba đoạn ngõ đi chung hiện nay không thể hiện trên bản đồ địa chính xã Đ năm 1993 và năm 2005. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng ngõ đi hiện nay do ông H đã làm là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của họ tộc khi xây dựng nhà thờ. Đồng thời, việc sử dụng ngõ đi do ông H làm không ảnh hưởng đến quyền lợi của cả hai bên gia đình ông N và ông H; HĐXX quyết định không chấp nhận kháng cáo về tranh chấp ngõ đi của ông N và ông H.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Đỗ Ngọc N và ông Đỗ Ngọc H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 159,174, 175,176 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Ngọc N, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

2. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc N về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất (ngõ đi chung)" tại vị trí ngõ cạnh nhà thờ về phía Tây của thửa đất nhà cụ Đỗ Ngọc T1.

3. Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung của hai hộ cụ Đỗ Ngọc T1 và cụ Đỗ Ngọc N2 tại xóm 22, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Ngõ đi của hai nhà bao gồm 3 đoạn: Đoạn thứ nhất từ ngõ xóm đi thẳng đến phần đất vườn nhà cụ T1 có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất cụ T1 có chiều dài là 2,8m, phía Nam giáp ngõ xóm

dài 2,8m, phía Đông giáp ao cụ T1 dài 10,2 m, phái Tây giáp đất vườn cụ T1 dài 10,2m. Đoạn thứ hai nằm giữa phần đất ao và đất vườn của cụ T1 có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất cụ T1 dài 10,3m, phía Nam giáp ao cụ T1 dài 10,3m, phía Đông giáp đất cụ N2 dài 1,68m, phía Tây giáp đoạn thứ nhất dài 1.68m. Đoạn thứ ba đi thẳng rẽ trái vào nhà cụ T1 và rẽ phải vào nhà cụ N2 có vị trí như sau: phía Nam giáp đất ao cụ T1 có chiều dài là 1,68m, phía Bắc giáp đất cụ N2 dài 1,68 m, phía Đông giáp đất cụ N2 có chiều dài là 18,3m, phía Tây giáp đất cụ T1 dài 18,3m (có sơ đồ kèm theo).

4. Buộc ông Đỗ Ngọc H tháo dỡ tấm sắt bịt lối đi chung của hai hộ tại vị trí đoạn thứ nhất của ngõ đi chung để trả phần đất ngõ đi chung cho hai hộ.

5. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Đỗ Ngọc N phải nộp toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.577.000 đồng. Ông N đã nộp đủ.

6. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc H được miễn án phí dân sự phúc thẩm; ông Đỗ Ngọc N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; ông Đỗ Ngọc N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004762 ngày 14/10/2022 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tại biên lai thu tiền số 0004596 ngày 31/3/2022 của Chi cục thi hành án huyện N được trả lại; Ông Đỗ Ngọc H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004787 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án huyện N được trả lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TAND huyện N;
- Chi cụcTHADS huyện N;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tuấn